

VẤN ĐỀ TÍNH HOÀN CHỈNH VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA VĂN BẢN

Chim Văn Bé*

1. Vấn đề tính hoàn chỉnh của văn bản qua một số chuyên luận và sách giáo khoa Tiếng Việt

Trong lịch sử phát triển gần gũi của chuyên ngành Ngôn ngữ học văn bản ở Việt Nam với một số công trình nghiên cứu và dịch thuật còn ít ỏi, *tính hoàn chỉnh* của văn bản (VB) ít được giới chuyên môn quan tâm đến. Trong vòng vài mươi năm trở lại đây, *tính hoàn chỉnh* của VB chỉ được một vài quyển sách giáo khoa Tiếng Việt và chuyên luận về VB đề cập đến, nhưng kết quả giải quyết của các tác giả không thống nhất và thiếu sức thuyết phục.

O.I. Moskalskaja giải thích “tính hoàn chỉnh nghĩa” của VB bằng “sự thống nhất của chủ đề”: “Tính hoàn chỉnh nghĩa của văn bản thể hiện ở sự thống nhất chủ đề của nó” [10: 27]. Và vì chủ đề ở đây được hiểu là “đối tượng của hiện thực”, nên “sự thống nhất chủ đề” được giải thích là “sự đồng nhất về việc quy chiếu” của các danh từ chung, danh từ riêng và các đại từ thay thế danh từ vào cùng “một đối tượng hoặc cùng một con người” [10: 31-32].

Trong *Ngữ pháp văn bản*, Nguyễn Quang Ninh xem xét tính hoàn chỉnh của VB ở hai bình diện: hình thức và nội dung. Ở bình diện hình thức, theo Nguyễn Quang Ninh, tính hoàn chỉnh của VB thể hiện qua ba “*dấu hiệu*”: thứ nhất là *đầu đề*, “*dấu hiệu mở của tính hoàn chỉnh về hình thức*”; thứ hai là *lời kết*, “*dấu hiệu khép của tính hoàn chỉnh*”, thể hiện qua “*dấu chấm cuối cùng*”; thứ ba là “*những dấu hiệu đa dạng xác nhận*” các câu tham gia vào VB “*là bộ phận của chỉnh thể*”, đó là vị trí của các câu và những từ ngữ thể hiện mối quan hệ giữa các câu trong VB [12: 35- 40]. Ở bình diện nội dung, tính hoàn chỉnh của VB “*thể hiện ở sự thống nhất chủ đề của văn bản*”, với quan niệm *chủ đề* “*là hạt nhân nghĩa, là nội dung cô đọng, khái quát của văn bản*” (12: 40), và “*sự kế thừa thông báo giữa các câu trong văn bản*” [12: 45]. Mối quan hệ giữa hình thức và nội dung trong việc thể hiện tính hoàn chỉnh của VB được Nguyễn Quang Ninh xem xét qua đầu đề: “*Đầu đề là nội dung cô đúc và phản ánh trung thành nội dung của văn bản*” [12: 42].

Tác giả SGK Tiếng Việt 9 lý giải thích tính hoàn chỉnh của VB dựa vào mối quan hệ giữa VB với “*đầu đề*”, tức tiêu đề toàn thể của VB: “*Đầu đề xác định được giới hạn nội dung và yêu cầu về tính hoàn chỉnh cho văn bản. Khi văn bản phù hợp với đầu đề, giúp cho người đọc hiểu được đầu đề, văn bản đó coi như hoàn chỉnh*” [6: 4].

Tác giả Tiếng Việt 9, sách chỉnh lý, xem xét tính hoàn chỉnh của VB ở hai bình diện: nội dung và hình thức, nhưng lại tách rời hai bình diện này. Tính hoàn chỉnh về nội dung

* Đại học Cần Thơ

cũng được giải thích trong mối quan hệ với tiêu đề: “*Tính chất trọn vẹn về nội dung (hoàn chỉnh về nội dung) thể hiện rõ ở chỗ có thể đặt đầu đề (hay tiêu đề, hay nhan đề) cho văn bản*” [7: 18]. Còn tính hoàn chỉnh về hình thức thể hiện “*ở chỗ không cần và không nên thêm bất cứ câu nào vào trước câu đầu và sau câu cuối của một văn bản nếu không quá cần thiết*” [7: 18].

Đỗ Hữu Châu lại xem xét tính hoàn chỉnh của ngôn bản (NB) dựa vào hiệu quả của mục đích giao tiếp: “Ngôn bản là một đơn vị được sản sinh trong hoạt động giao tiếp có tính hoàn chỉnh, **tính hoàn chỉnh được quyết định bởi đích của nó và được nhận biết bởi việc nó có đạt được hiệu quả hay không qua sự phản ứng của người tiếp nhận** (người trích nhấn mạnh)” [8: 723].

2. Tính hoàn chỉnh của văn bản

Muốn làm sáng tỏ tính hoàn chỉnh của VB, trước hết phải giải quyết đúng đắn những vấn đề lý thuyết cơ bản về VB. Đó là vấn đề *nội dung* và *cấu trúc hình thức* của VB xét trong mối quan hệ máu thịt, quy định, ràng buộc lẫn nhau.

Nội dung và cấu trúc hình thức của VB đã được chúng tôi xem xét, giải quyết cụ thể trong *Văn bản và Làm văn* [5: 29 – 48]. Ở đây chỉ lưu ý vài nét khái lược để làm cơ sở cho việc làm sáng tỏ tính hoàn chỉnh của VB.

Nội dung của VB thể hiện qua bốn thành tố: **đề tài, chủ đề, tình thái chủ quan** và **tư tưởng**. **Đề tài** của VB là *đối tượng* mà VB đề cập, phản ánh. Đó là những “*sự vật*” cụ thể, xác định như con người, đồ vật, động vật, thực vật, hay là những sự kiện, hiện tượng lịch sử, văn hóa, xã hội,..., có phạm vi giới hạn ít nhiều mờ nhòe. Tùy vào quy mô, VB có thể chỉ phản ánh một đề tài duy nhất, hay đề cập đến nhiều đề tài có liên quan với nhau: đề tài chính và đề tài phụ, đề tài toàn thể và đề tài bộ phận thuộc nhiều cấp độ. **Chủ đề** của VB là *sự triển khai cơ bản, bao quát về đề tài, theo nhiều hướng khác nhau: miêu tả, trần thuật, bàn luận*... Chủ đề có thể hiển hiện trên bề mặt ngôn từ (hiển ngôn), hay mang tính chất hàm ngôn, với nhiều lớp nông sâu khác nhau, nhất là trong VB nghệ thuật. Chủ đề thường được triển khai thành nhiều cấp độ: chủ đề toàn thể và chủ đề bộ phận, trong đó, chủ đề toàn thể được triển khai, làm sáng tỏ qua hệ thống các chủ đề bộ phận, mà chủ đề bộ phận ở cấp độ nhỏ nhất là chủ đề của đoạn văn. **Tình thái chủ quan** của VB là thành tố nội dung thể hiện *thái độ nhìn nhận, đánh giá chủ quan của người viết về đề tài, hay các đề tài có liên quan, được phân hóa theo hai sắc thái: âm tính và dương tính, với nhiều thang độ đánh giá đậm, nhạt khác nhau*. **Tư tưởng** là *hệ thống quan điểm về con người, xã hội, lịch sử*... của nhà văn, thể hiện chủ yếu qua mối quan hệ tương tác giữa chủ đề và tình thái chủ quan của VB.

Trong các thành tố nội dung vừa nêu, **đề tài** và **chủ đề** của VB là hai thành tố nội dung cơ bản, tất yếu, vì chúng có mặt trong mọi loại VB. **Tình thái chủ quan** là thành tố nội dung biến động: nó có thể xuất hiện hay vắng mặt, tùy vào loại VB. Còn **tư tưởng** là thành tố nội dung mang tính chất đặc thù, chỉ xuất hiện trong tác phẩm hay hệ thống tác phẩm nghệ thuật có tầm cỡ. Vì thế, để làm sáng tỏ nội dung của những VB thông thường, kể cả đa số các VB nghệ thuật, có thể chỉ cần tiếp cận, xem xét ba thành tố: đề tài, chủ đề và tình thái chủ quan.

Cấu trúc hình thức của VB thể hiện qua ba thành tố: *tiêu đề*, *lời đề từ* và *chính văn*, trong đó, *tiêu đề* và *chính văn* là hai bộ phận cơ bản, vì chúng xuất hiện thường xuyên trong VB. *Tiêu đề* của VB là *tên gọi* của VB, thường do người viết đặt ra hay đặt lại. Xét trong mối quan hệ với nội dung cơ bản của VB, tiêu đề có thể mang tính chất *dự báo*: *nêu rõ đề tài hay / và chủ đề của VB*, hay mang tính chất *nghệ thuật*, được đặt ra với mục đích *gây ấn tượng, hấp dẫn người đọc*, hay được đặt ra theo lối *ngghi binh*, tức *dự báo giả tạo*, hay theo lối *chơi chữ*. *Chính văn* của VB là *phần VB chính*, tính từ chữ mở đầu cho đến chữ kết thúc, được hiện thực hóa bằng hệ thống các cấp độ đơn vị ngôn từ dưới bậc: câu, đoạn, hồi, phần, chương..., tùy quy mô cụ thể của VB.

Trở lại quan niệm của một số tác giả về tính hoàn chỉnh của VB đã nêu trong mục 1, chúng ta thấy rõ nhiều điểm bất cập:

(1) “*Tính hoàn chỉnh nghĩa*” theo quan niệm của O.I. Moskalskaja chỉ đơn giản là *sự thống nhất về mặt đề tài của VB*, theo cách hiểu khái niệm *đề tài* mà chúng tôi đã vừa nêu. Tính hoàn chỉnh của VB về nội dung, theo Nguyễn Quang Ninh, “*thể hiện ở sự thống nhất chủ đề của văn bản*”, với quan niệm *chủ đề* “*là hạt nhân nghĩa, là nội dung cô đọng, khái quát của văn bản*”, thực chất cũng tương tự như quan niệm của O.I. Moskalskaja. Nhiều trích dẫn trong quyển *Ngữ pháp văn bản* cho thấy Nguyễn Quang Ninh hiểu *chủ đề* là những *sự vật* được trần thuật, miêu tả [12: 45-49].

(2) Mối quan hệ giữa đầu đề với nội dung của VB theo quan niệm của Nguyễn Quang Ninh (“*Đầu đề là nội dung cô đúc và phản ánh trung thành nội dung của văn bản*”) và theo quan niệm của các tác giả *Tiếng Việt 9* (“*Đầu đề xác định được giới hạn nội dung và yêu cầu về tính hoàn chỉnh cho văn bản*”) bộc lộ rõ cái nhìn phiến diện về vấn đề này. Bởi lẽ, như chúng tôi vừa nêu, tiêu đề của VB không phải bao giờ cũng dự báo đầy đủ nội dung cơ bản của VB, nhất là loại tiêu đề mang tính chất nghệ thuật. Cũng vì thế, không thể dựa vào tiêu đề hay sự “*phù hợp*” giữa VB với tiêu đề để xem xét tính hoàn chỉnh như tác giả *Tiếng Việt 9* đã làm. Giữa các tiêu đề được đặt theo lối ngghi binh như “*Một tấm gương sáng*”, “*Báo hiếu: trả nghĩa cha*”, “*Báo hiếu: trả nghĩa mẹ*” (tiêu đề ba truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan) với nội dung của phần chính văn trong các VB truyện này không những không “*phù hợp*”, mà còn tương phản với nhau, nhưng không thể cho rằng, ba VB nghệ thuật đó không hoàn chỉnh.

(3) Dựa trên cơ sở “*có thể đặt tiêu đề*” để giải thích tính hoàn chỉnh của VB về nội dung như tác giả *Tiếng Việt 9* chính lý đã làm, thì rõ ràng là hết sức mơ hồ, vì việc đặt tiêu đề *chưa nói lên được điều gì về bản thân VB*. Dựa vào cơ sở *không cần thêm câu nào “nếu không quá cần thiết”* để xem xét tính hoàn chỉnh về hình thức của VB, cũng chưa giải thích được gì. Bởi vì việc thêm, bớt câu chỉ là *thủ tục kiểm tra tính hoàn chỉnh của VB ở cả hai bình diện, chứ không chỉ riêng ở mặt hình thức*. Đó chưa phải là sự giải thích cho tính hoàn chỉnh của VB.

(4) Sự hoàn chỉnh là điều kiện cơ bản để VB hay NB đạt được mục đích giao tiếp. VB hoàn chỉnh thì hoạt động giao tiếp dễ đạt được mục đích. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, mục đích giao tiếp là cái nằm ở *bên ngoài VB*. Người nói, người viết có đạt được hay không còn *tùy thuộc rất nhiều vào đối tượng giao tiếp, tình huống giao tiếp và bối cảnh xã hội rộng, hẹp chung quanh*. Do đó, không thể dựa vào hiệu quả của mục đích giao tiếp

để xét tính hoàn chỉnh của VB, dẫn đến sự lẫn lộn chông chéo giữa *nội dung* VB hay NB với *mục đích giao tiếp* như Đỗ Hữu Châu đã làm.

Nguyên nhân sâu xa của tình trạng mò mẫm, lúng túng trong việc tiếp cận, làm sáng tỏ tính hoàn chỉnh như vừa điểm qua chính là ở vấn đề minh định các thành tố thuộc hai bình diện nội dung và cấu trúc hình thức của VB trong mối quan hệ quy định lẫn nhau. Có giải quyết đúng đắn, khoa học những vấn đề căn cơ đó, thì mới có thể làm sáng tỏ được các thuộc tính của VB, trong đó có tính hoàn chỉnh.

Theo quan điểm của chúng tôi, tính hoàn chỉnh của VB thể hiện ở cả hai bình diện nội dung và cấu trúc hình thức, trong mối quan hệ quy định lẫn nhau:

VB bản hoàn chỉnh là VB có đề tài và chủ đề được triển khai trọn vẹn, chính xác, thể hiện qua hệ thống các cấp độ đơn vị ngôn từ chức năng bậc dưới được tổ chức đúng quy tắc và được phân bố theo một trật tự hợp lí. Nếu tình thái chủ quan xuất hiện trong VB, thì nội dung tình thái phải phù hợp với hướng triển khai chủ đề và phải nhất quán trong toàn VB. Đối với VB nghệ thuật tâm cỡ, có tư tưởng, thì tư tưởng phải được thể hiện một cách nhất quán xuyên suốt VB.

Đề tài và chủ đề được triển khai **trọn vẹn** nghĩa là không được thiếu, cũng không được thừa, đặc biệt là đối với chủ đề. Nếu sự việc, ý kiến được dùng làm chất liệu triển khai không đủ để bộc lộ chủ đề, thì tính hoàn chỉnh của VB bị vi phạm. Nếu tình hình diễn ra ngược lại, nội dung của VB sẽ thiếu tính *hàm súc*. Điều này thể hiện hết sức rõ ràng trong các loại VB phi hư cấu như VB khoa học, chính luận, và có những biểu hiện rất tinh tế trong các loại VB hư cấu, VB nghệ thuật. Chẳng hạn, trong *Ông nghề thúng tám* của Nguyễn Khuyến, ta thấy từ câu đầu đến câu thứ bảy, tác giả đã miêu tả ông nghề giấy trong sự đối sánh với nghề thật qua hàng loạt hình ảnh tiêu biểu. Nhưng nếu dừng lại ở đó, bài thơ chưa nêu lên được cái điều sâu xa nhất mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm. Điều sâu xa ấy hiển lộ ở câu cuối, đó là sự phát hiện của tác giả về giá trị đích thực của nghề giấy và nghề thật ở ngoài đời: *Nghề giấy trông giống như nghề thật, nhưng hoá ra cũng chỉ là đồ giả, đồ chơi. Và nghề thật, thật ra, cũng chỉ là đồ chơi, đồ giả, chẳng khác gì nghề giấy!* Vì thế, không có câu cuối, bài thơ không hoàn chỉnh, và hàng loạt câu thơ trước đó trở nên vô nghĩa. Trong *Chạy giặc* của Nguyễn Đình Chiểu, cảnh nhân dân Đồng Nai chạy giặc Tây đã được thể hiện qua hàng loạt hình ảnh tiêu biểu, đầy ấn tượng trong các câu *thực, luận*. Cảnh tượng hết sức tang thương, thê thảm, làm quặn thắt lòng người. Nhưng dừng lại ở đó thì chưa đủ. Đến hai câu kết, chủ đề của bài thơ mới hiện ra: *Thái độ vô trách nhiệm của những kẻ chần dån trước khổ nạn ngoại xâm mà “dân đen” phải gánh chịu*. Đến đây, bài thơ phải kết thúc, không chỉ do hình thức loại thể quy định, mà chủ yếu là vì đề tài và chủ đề đã được triển khai xong. Khi tuyển chọn vào *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã cắt bỏ khổ thơ cuối trong VB gốc của bài *Tổng biệt hành* của Thâm Tâm. Bởi lẽ, đến khổ cuối của VB thơ đang lưu hành, chủ đề của bài thơ đã hiển hiện rõ ràng: *sự hi sinh tình nhà cho chí lớn, hoài bão lớn*.

Chính xác, hiểu theo lẽ thông thường, có nghĩa là các sự việc, ý kiến được dùng để triển khai đề tài và chủ đề của VB phải *phản ánh đúng* thực tế khách quan hay thực tế tâm lý của con người. Tuy nhiên, sự chính xác ở đây phải được xem xét tùy vào loại VB thuộc các phong cách khác nhau. Đối với các loại VB khoa học, hành chính, chính luận, tính chính xác có thể nói là nghiêm ngặt. Trong VB nghệ thuật, đặc biệt là trong thơ trữ tình,

sự chính xác của hình ảnh, chi tiết nghệ thuật phải được hiểu một cách uyển chuyển, linh hoạt, nhất là đối với những hình ảnh mang sắc thái tu từ, những cách diễn đạt lệch chuẩn mực cố ý của tác giả. Chẳng hạn, hình ảnh con sông Đuống “Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì” trong bài *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm là “*thiếu chính xác*”, nếu đặt nó trong VB khoa học. Tương tự, nếu xuất hiện trong một bài viết khoa học, hai câu cuối của khổ thơ sau đây cũng “*thiếu chính xác*”:

*Rồi một ngày em thôi còn nhỏ bé,
Bàn chân ta dừng lại trước hiên ngoài.
Cây trái đã chín mùa trên môi đỏ,
Ta chiều rồi, lau lách mọc trên tay.*

(Đỗ Trung Quân, *Lá biếc*)

Tính chính xác của những câu có chức năng *đưa đẩy, dẫn nhập* vào VB, phần VB cũng phải được hiểu một cách linh hoạt. Trong thực tế VB, có khá nhiều trường hợp ta không thể hiểu tính chính xác của các câu văn này theo nghĩa đen. Hai câu mở đầu trong bài ca dao *Nụ tầm xuân* là một ví dụ điển hình. Hai câu này “*sai*” ở hàng loạt chi tiết: “*Trèo lên cây bưởi hái hoa*” là “*sai*”, vì bưởi là loài cây *ăn quả*, không phải là *cây cảnh*, nên không ai lại hái hoa bưởi. “*Trèo lên cây bưởi*” nhưng lại “*bước xuống vườn cà*” cũng “*sai*”. Bởi vì, không ai trồng bưởi chung với cà. Trồng như thế, cà không lớn được, vì bưởi che khuất hết ánh sáng. Tiếp theo, đã “*bước xuống vườn cà*” mà lại “*hái nụ tầm xuân*” thì lại càng “*sai*” (“*Bước xuống vườn cà*” thì phải hái nụ cà mới chính xác!). Tầm xuân là một loài hoa kiểng, thường chỉ được trồng ở ngõ, sân nhà hay hàng rào. Ai lại trồng tầm xuân trong vườn cà? Nhưng đó chỉ là cách nói “*bất thường*” để dẫn vào cái cảnh ngộ éo le của anh và em: em có chồng rồi, mà sao anh vẫn còn tiếc đứt ruột! Những chi tiết tưởng đâu là thiếu chính xác ấy, hoá ra là cách vào đề có nghệ thuật, mà còn có thể là rất chính xác nữa: những chi tiết ấy phản ánh rất đúng suy nghĩ, tâm trạng lẫn thân của một anh chàng đang thất tình.

Sự **Phân bố** các cấp độ đơn vị ngôn từ chức năng dưới bậc theo một trật tự hợp lý là một trong những biểu hiện cụ thể của tính *mạch lạc*, một đặc trưng cơ bản khác của VB, và là một trong những vấn đề còn nhiều bất cập, cần được xem xét, giải quyết thỏa đáng.

Sự **phù hợp** giữa nội dung tình thái chủ quan với hướng triển khai chủ đề thể hiện ở chỗ nội dung tình thái phải có *cùng sắc thái với chủ đề*: chủ đề mang sắc thái dương tính, thì tình thái chủ quan phải dương tính, và ngược lại. Còn sự **nhất quán** của nội dung tình thái chủ quan thể hiện ở chỗ người viết phải xác lập rõ và giữ vững góc nhìn về đề tài, hay các đề tài khác nhau trong VB, thể hiện qua cách định danh, nhất là qua cách miêu tả, trần thuật, bàn luận về đề tài, các đề tài. Trong *Ông nghề tháng tám*, đề tài bề mặt là ông tiến sỹ giấy, và đề tài mang tính hàm ngôn là những kẻ đồ đạt cao thời bấy giờ. Qua hàng loạt chi tiết, hình ảnh đã sử dụng để triển khai, làm sáng tỏ đề tài và chủ đề, tác giả đã thể hiện rõ thái độ *châm biếm nhẹ nhàng mà hết sức sâu sắc đối với nghề giấy lẫn nghề thật ở ngoài đời*. Trong *Ông đồ*, Vũ Đình Liên đã làm nổi bật lên sự *mai một của những giá trị văn hóa truyền thống đã từng tồn tại hàng ngàn năm trong xã hội giao thời khắc nghiệt* (chủ đề), đồng thời nhà thơ tỏ rõ thái độ *trân trọng, tri ân sâu sắc đối với những “người muôn năm cũ”* mà ông đồ là biểu tượng.

3. Tính thống nhất của văn bản

Tính hoàn chỉnh có quan hệ chặt chẽ với tính thống nhất của VB. Chính vì thế mà một số tác giả đã giải thích tính hoàn chỉnh dựa vào tính thống nhất, chẳng như cách giải thích của I.O. Moskalskaja mà chúng tôi đã điếm qua. Tuy nhiên, vì không minh định được các thành tố nội dung của VB, nên tính hoàn chỉnh lẫn tính thống nhất của VB đã không được lý giải thấu đáo, thỏa đáng.

Thống nhất theo nghĩa thông thường là *hợp lại thành một chỉnh thể*. Trong VB, tính thống nhất được thể hiện ở nội dung trong mối quan hệ biện chứng với cấu trúc hình thức. VB thống nhất là VB *tập trung vào việc thể hiện một, hay một vài đề tài, chủ đề có liên quan, cùng với nội dung tình thái phù hợp, nhất quán, (và nội dung tư tưởng nhất quán), được hiện thực hoá qua hệ thống các cấp độ đơn vị ngôn từ chức năng dưới bậc kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể*.

Chẳng hạn, trong bài đồng dao *Thằng Bờm*, tất cả các câu đều tập trung vào hai đề tài: phú ông và thằng Bờm, song song với việc thể hiện *cuộc trao đổi* giữa họ, qua đó tác giả bày tỏ *sự đồng tình, cảm thông sâu sắc* đối với thằng Bờm và thái độ *mỉa mai sâu cay* đối với phú ông. Tất cả các câu thơ trong bài *Ông nghề tháng tám* của Nguyễn Khuyến một mặt tập trung vào việc thể hiện hình ảnh ông nghề giấy, qua đó là hình ảnh những ông nghề thật, mặt khác hướng đến việc làm nổi rõ lên *cái giá trị làm trò giải trí của nghề giấy và nghề thật ở ngoài đời* và thái độ *châm biếm nhẹ nhàng, hóm hỉnh mà hết sức sâu sắc* đối với cả hai loại nghề này. Trong *Chạy giặc* của Nguyễn Đình Chiểu, tất cả các câu thơ đều tập trung vào việc triển khai cảnh chạy giặc của nhân dân Đồng Nai, qua đó, nhà thơ làm nổi bật lên *sự vô trách nhiệm* của những *“trang đẹp loạn”*, tức triều đình nhà Nguyễn, đồng thời bày tỏ *sự cảm thông, chia sẻ sâu sắc* đối với nhân dân Đồng Nai.

Như vậy, VB khi đã hoàn chỉnh, thì cũng có nghĩa là đảm bảo được tính thống nhất. Và bản thân tính thống nhất đã bao hàm trong nó *tính liên kết* và *tính mạch lạc*, hai thuộc tính quan trọng khác của VB. Trong một vài chuyên luận về VB xuất bản trong nước, hai thuộc tính này cũng nổi lên nhiều vấn đề, nên cũng cần được tiếp tục giải quyết một cách khoa học, thỏa đáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1998.
2. Diệp Quang Ban, *Giao tiếp, văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn*, NXB Khoa học Xã hội, 2002.
3. Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Quang Ninh, Trần Ngọc Thêm, *Ngữ pháp văn bản và việc dạy làm văn*, NXB Giáo dục, 1985.
4. Chim Văn Bé, *Giáo trình Làm văn, hai tập*, Trường Đại học Cần Thơ, 1992.
5. Chim Văn Bé, *Văn bản và Làm văn*, Trường Đại học Cần Thơ, 2007, 2008.
6. Lê Cận, Nguyễn Quang Ninh, *Tiếng Việt 9*, NXB Giáo dục, 1989.

7. Lê Cận, Nguyễn Quang Ninh (Biên soạn); Diệp Quang Ban, Hồng Dân (Chỉnh lý), *Tiếng Việt 9*, NXB Giáo dục, 1995.
8. Đỗ Hữu Châu, *Tuyển tập, tập hai*, NXB Giáo dục, 2005.
9. I.R. Galperin, *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học*, Hoàng Lộc dịch, NXB Khoa học Xã hội, 1997.
10. O.I. Moskalskaja, *Ngữ pháp văn bản*, Trần Ngọc Thêm dịch, NXB Giáo dục, 1996.
11. Hồ Lê, *Quy luật ngôn ngữ*, quyển hai, NXB Khoa học Xã hội, 1996.
12. Nguyễn Quang Ninh, *Ngữ pháp văn bản*, Trường Cao đẳng Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 1989.
13. Trịnh Sâm, *Tiêu đề văn bản tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1998.
14. Trần Ngọc Thêm, *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, 1985, in lần thứ hai, NXB Giáo dục, 1999.